

Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Nhóm 7 – LỚP Quản lý kinh tế 52A:

- 1. Nguyễn Thị Ngọc Ánh*
- 2. Nguyễn Thị Thanh*
- 3. Trần Thị Thúy*
- 4. Nguyễn Thị Trang*
- 5. Nguyễn Thị Vân Trang*
- 6. Nguyễn Thị Hải Yến*



Đề tài: *Thiết kế hệ thống câu hỏi
cho các tiêu chí đánh giá tính công
bằng trong chính sách xã hội.*



I. Lý luận chung

1. Khái niệm công bằng xã hội

Công bằng trước hết phải được hiểu là sự bình đẳng trong cơ hội (equal opportunity), cơ hội làm việc, cơ hội đầu tư, nghĩa là bình đẳng trong việc tiếp cận những cơ hội mà với cố gắng và năng lực con người có thể đạt đến một mức sống cao hơn hiện nay. Nếu mọi tầng lớp dân chúng đều có cơ hội tham gia quá trình phát triển và được hưởng thành quả tương ứng với sức lực, khả năng và trí tuệ của họ thì đó là sự phát triển trong công bằng.

2. Chính sách xã hội

Chính sách xã hội là các quan điểm, chủ trương được thể chế hóa để tác động vào các quan hệ xã hội nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần thực hiện công bằng xã hội, tiến bộ và phát triển con người.

=> Là công cụ để thực hiện mục tiêu “công bằng và tiến bộ xã hội”.





3. Khái niệm công bằng trong chính sách xã hội.

Công bằng trong chính sách xã hội được xem xét và so sánh giữa kết quả trên thực tế mà chính sách đó đem lại với mục tiêu công bằng xã hội mà nó hướng tới.

Chính sách xã hội là công bằng nếu trên thực tế nó góp phần cải thiện công bằng xã hội, hướng tới được xã hội tiến bộ, bình đẳng về cơ hội và hưởng thụ trên cơ sở thực tiễn đóng góp của họ đối với xã hội.

II. Các tiêu chí đánh giá công bằng xã hội.

1. Đánh giá về kinh tế

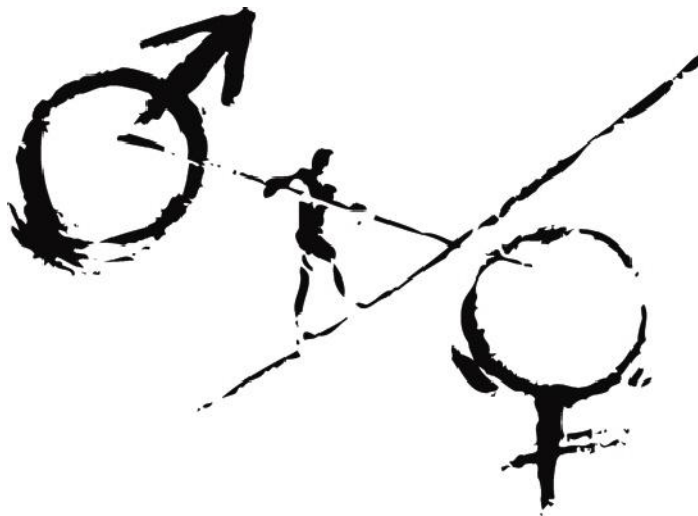
Đánh giá về công bằng về kinh tế dựa trên việc nhà nước đưa ra Nghị định để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, cũng như để làm giảm phân cách giàu nghèo dựa trên việc đánh thuế thu nhập cá nhân.

Nghị định số 108/2010/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ về quy định mức tiền lương tối thiểu vùng đối với người lao động

Mức lương tối thiểu vùng

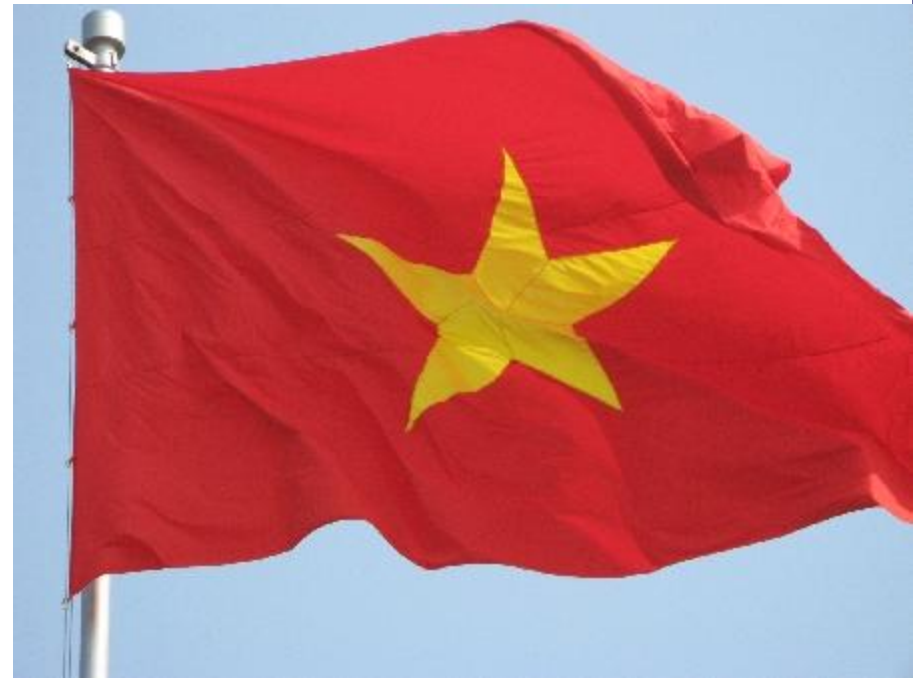
Đối tượng nộp thuế

Hiện nay, có sự phân biệt đối xử khá rõ ràng đối với lao động nam và nữ trong các doanh nghiệp, nên để biết được sự phổ biến của chính sách cũng như sự quan tâm của người dân tới vấn đề này, nhóm đưa câu hỏi liên quan tới bình đẳng giữa nam và nữ trong phát triển kinh tế.



2. Đánh giá về chính trị

Quyền bình đẳng về chính trị thể hiện trong việc đồng bào các dân tộc được quyền tham chính của mình thông qua thực thi dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc ít người có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân như mọi công dân khác theo **quy định tại Điều 53 và 54 của Hiến pháp**



3. Đánh giá về xã hội

a) Giáo dục

Theo luật pháp Việt Nam thì “ Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân”.

Nhà nước có sự quan tâm đặc biệt tới nền giáo dục, cụ thể là việc cố gắng xóa tỉ lệ mù chữ bằng việc phổ cập giáo dục, cũng như miễn giảm học phí cho bậc tiểu học; rồi những quy định về điểm cộng thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng đối với từng khu vực, để đảm bảo công bằng giữa các thí sinh...

=> Để đánh giá vấn đề giáo dục tại địa phương, nhóm dựa trên khía cạnh nhu cầu của người dân về số lượng, chất lượng trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, đội ngũ giáo viên tại địa phương, cũng như sự quan tâm của nhà nước tới phát triển giáo dục tại khu vực đó để đảm bảo quyền và nghĩa vụ học tập của công dân.

Bên cạnh đó nhóm còn dựa vào khả năng tài chính của người dân có thể chấp nhận được mức chi phí để đầu tư cho con em đi học.



b) Y tế

- Để đánh giá sự công bằng xã hội về y tế, nhóm dựa trên nhu cầu của người dân hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, trình độ đội ngũ y, bác sĩ tại địa phương cũng như giá cả dịch vụ đã phù hợp với thu nhập của người dân hay chưa.
- Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển một cách “ công nghiệp” hiện nay, làm bùng nổ hàng loạt các bệnh dịch, Nhà nước luôn có sự quan tâm kịp thời tới các địa phương, nhưng sự phổ biến thông tin, cũng như sự quan tâm của Nhà nước tới địa phương đó chưa được chính quyền sở tại phổ biến rộng rãi, nghiêm túc.



Bảo hiểm y tế

Để đảm bảo lợi ích cho người lao động, nhà nước đã quy định mọi Doanh nghiệp đều phải mua BHYT bắt buộc cho mọi lao động, nên để biết sự phổ biến của chính sách này nhóm đưa ra câu hỏi về vấn đề này

Các dịch vụ được tài trợ bằng nguồn vốn công cộng

Thực hiện điều tra nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng, biết được một cách tương đối nguồn vốn công cộng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả hay chưa. Qua đó có thể biết được nhóm đối tượng nào Nhà nước cần quan tâm chú ý hơn, hoạt động nào đem lại ích lợi xã hội cao, mặt khác góp phần đưa ra những giải pháp khắc phục, hoàn thiện cách sử dụng nguồn vốn công cộng trong tương lai

Xóa đói giảm nghèo

Để đảm bảo công bằng cho mọi hộ gđ nghèo, Nhà nước đã ban hành Nghị định quy định về chuẩn mức nghèo, cận nghèo để dựa vào đó có những ưu ái đặc biệt cho các hộ thuộc diện đó để giảm khoảng cách giàu nghèo trong xã hội cũng như sự bao phủ của chính sách nên nhóm đưa tiêu chí này vào

Tệ nạn xã hội

Nhóm quan tâm đến hai khía cạnh. Một là những người đã từng tách biệt xã hội muốn tái hòa nhập cộng đồng có được đối xử bình đẳng như những người khác hay không. Hai là quan tâm tới mức độ an toàn quanh khu dân cư, cũng như sự quan tâm của chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh cho người dân



d) Văn hóa

Đánh giá chính sách văn hóa còn phải kể đến sự hiệu quả của các mạng lưới cộng đồng tại địa phương mà đặc biệt là mối liên hệ giữa các thành viên thân thiết trong họ tộc của người dân, đây chính là cộng đồng quan trọng nhất có vai trò to lớn trong việc ngăn chặn loại trừ xã hội, đói nghèo, đối xử bất công trong xã hội.